

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH ĐẠI CÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH ĐẠI CÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH DAI CAT TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANHDAICAT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110565757

3. Ngày thành lập: 08/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 110 Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0766661102

Fax:

Email: thanhdaicat268@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động của đấu giá viên)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4620(Chính)
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4632
13.	Bán buôn đồ uống (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4633

14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (Không bao gồm hoạt động đầu giá) (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp)	4634
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Không bao gồm hoạt động đầu giá) (không bao gồm thiết bị, phần mềm nguy cơ tràn dưng để ghi âm, ghi hình và định vị)	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4659
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm các kim loại là vàng) (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4669
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (không bao gồm trồng cây trang trại)	0161
25.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (không bao gồm chăn nuôi trang trại)	0162
26.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
27.	Khai thác thủy sản biển	0311
28.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
29.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
30.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
32.	Dịch vụ đóng gói	8292
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
34.	Cho thuê xe có động cơ	7710
35.	Bán buôn tổng hợp (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4690

36.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
38.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
39.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chỉ thực hiện tại địa điểm phù hợp quy định pháp luật)	1079
40.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp; theo quy định tại Nghị định số 05/2017/NĐ-CP quy định về kinh doanh rượu)	1101
41.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp)	4781
43.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ không bao gồm: Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4784
44.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (không bao gồm: Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4789
45.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp)	4932
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp)	4933
47.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kho ngoại quan).	5210
48.	Bốc xếp hàng hóa	5224
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp)	5229
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp; theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ)	5510

52.	Cơ sở lưu trú khác (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp; theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ)	5590
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm quán bar, vũ trường, giải khát có khiêu vũ)	5610
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm quán bar, vũ trường, giải khát có khiêu vũ)	5621
55.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm quán bar, vũ trường, giải khát có khiêu vũ)	5629
56.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm quán bar, vũ trường, giải khát có khiêu vũ)	5630
57.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá (chỉ thực hiện tại địa điểm phù hợp quy định pháp luật)	3530
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
59.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Phạm vi và nội dung kinh doanh cụ thể theo Giấy phép hoạt động/Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp; theo quy định tại pháp luật về dược đối với kinh doanh thuốc, quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP của Chính phủ đối với kinh doanh thiết bị y tế)	4772
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÝ MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001093012902

Ngày cấp: 06/01/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 4 Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 110 Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÝ MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001093012902

Ngày cấp: 06/01/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 4 Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 110 Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội